TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 160/2024/DS-PT
Ngày 09/7/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thế Mạnh

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Trương Văn Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 167/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu B, sinh năm 1981; (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã D, Tp ., tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Dương Minh B1, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Đặng Lương H, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Chị Lưu Bích C, sinh năm 1982; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1951; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ H, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2/ Anh Lê Thanh D, sinh năm 1972; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số D đường B, khu phố B, phường C, Tp ., Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: chị Lưu Bích C - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Dương Minh B1 trình bày: năm 2018 vợ chồng anh H, chị C có hỏi vay của chị Thu B nhiều lần với tổng số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), lãi thỏa thuận giữa hai bên là 10.000.000 đồng/01 tháng/300.000.000 đồng, cụ thể từng lần vay như sau:

Lần 1: Khoảng đầu tháng 9/2018 *(Không nhớ ngày cụ thể)*, vợ chồng anh H, chị C hỏi vay số tiền gốc là 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*, trong đó anh H trực tiếp nhận số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*. Hai bên có làm giấy vay mượn nợ do chị Thu B nhờ ông Nguyễn Hữu T viết sẵn nội dung trước khi đến giao tiền cho anh H, chị C.

Lần 2: Anh H tiếp tục hỏi vay thêm của chị Thu B số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* nên chị Thu B có nhờ anh Lê Thanh D chuyển khoản dùm chị T1 Ba 03 lần, mỗi lần là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* vào số tài khoản của anh H vào các ngày 18/9/2018, ngày 24/9/2018 và ngày 27/9/2018.

Lần 3: Khoảng cuối tháng 10/2018 *(Không nhớ ngày cụ thể),* vợ chồng anh H tiếp tục vay thêm số tiền là 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng),* anh H trực tiếp nhận tiền tại nhà anh H, 02 bên có làm giấy mượn nợ do chị Thu B nhờ ông Nguyễn Hữu T viết sẵn nội dung trước rồi nhờ em trai chị chở đến nhà anh H, chị C giao tiền.

Theo thỏa thuận của hai bên, khi nào chị T1 Ba cần sử dụng tiền thì cho vợ chồng anh H, chị C biết trước 02 tháng. Anh H và chị C vay tiền của chị T1 Ba là để cho người khác vay lại nhằm lấy tiền lãi cao hơn so với số tiền lãi mà vợ chồng anh H, chị Chi t cho chị T1 Ba hàng tháng.

Đến tháng 9/2022, chị T1 Ba cần tiền nên có báo với vợ chồng anh H, chị Chi t lại số tiền đã vay nhưng vợ chồng anh H, chị C không trả cho đến nay. Từ khi vay cho đến trước tết Nguyên Đán năm 2022, anh H có chuyển khoản trả cho chị T1 Ba số tiền lãi là 21.500.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng), đến nay không trả thêm tiền lãi.

Do đó, chị Thu B khởi kiện yêu cầu anh H, chị Chi t cho chị T1 Ba một lần số tiền vay gốc là 900.000.000 đồng *(Chín trăm triệu đồng)* và tiền lãi theo quy định từ tháng 9/2018 cho đến khi kết thúc vụ kiện. Chị Thu B đồng ý cấn trừ số tiền lãi mà chị đã nhận từ vợ chồng anh H, chị C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Lương H trình bày: Anh H xác nhận, vợ chồng anh có hỏi vay của chị Thu B số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* và nhận 03 lần, mỗi lần là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* qua tài khoản do anh Lê Thanh D chuyển vào số tài khoản của anh là 103000466981 P vào các ngày 18/9/2018, 24/9/2018, 27/9/2018. Ngoài ra, vợ chồng anh không nhận thêm khoản tiền nào từ chị Thu B.

Đối với 02 biên nhận chị Thu B cung cấp không có ngày tháng thì anh xác nhận chữ ký của anh và chị C trong biên nhận là không phải do vợ chồng anh ký và viết họ tên, đây là chữ ký và chữ viết giả mạo. Do đó, anh yêu cầu Tòa án tiến hành

trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ánh và chị C trong 02 biên nhận mà chị T1 Ba cung cấp. Anh cam kết, vợ chồng anh sẽ cung cấp mẫu chữ ký, chữ viết để làm mẫu so sánh và tạm ứng các chi phí liên quan đến việc giám định.

Khi vay tiền của chị Thu B, 02 bên có thỏa thuận là vợ chồng anh trả lãi cho chị Thu B mỗi tháng 10.000.000 đồng/300.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, anh có chuyển khoản trả cho chị T1 Ba số tiền hơn 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* vào khoảng thời gian tết năm 2022. Ngoài ra, anh có gửi cho người chú của chị Thu B mỗi lần vài triệu đồng, khi đưa tiền lãi anh không có làm biên nhận nên không có gì để chứng minh.

Nay, vợ chồng anh chỉ đồng ý trả cho chị T1 Ba số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* và xin trả dần mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi hết nợ. Vợ chồng anh xin không trả phần tiền lãi do hoàn cản hiện nay khó khăn không có khả năng trả thêm phần tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lưu Bích C trình bày: Không đồng ý theo lời trình bày của chị Thu B về việc yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền vay 900.000.000 đồng *(chín trăm triệu đồng)*. Chị C xác nhận, có nhận trực tiếp từ chị Thu B tại nhà chị C số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* vào khoảng tháng 9/2018 và có nghe chị T1 Ba nói đã đưa trước cho anh H số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* nhưng không biết đưa tiền mặt hay chuyển khoản và có nói đưa để vợ chồng chị C cho người khác vay. Đồng thời, vợ chồng chị Chi t lãi cho chị Thu B mỗi tháng 10.000.000 đồng/300.000.000 đồng.

Chị C xác định, tại thời điểm ký nợ 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* nói trên thì chị C có ký vào 02 biên nhận cho chị Thu B, mỗi bên giữ 01 biên nhận. Biên nhận bên phía chị C thì chị giao cho anh H giữ nhưng không biết lý do vì sao hiện nay anh H không còn giữ, chị có hỏi nhưng anh H trả lời không biết lý do vì sao mất. Đồng thời xác định, hàng chữ viết có nội dung: *"Lưu Bích chi.CMND 371038880"* và phần chữ ký ghi rõ họ tên Lưu Bích C là do chị C viết và ký tên. Đối với chữ viết Đặng Lương H là không phải anh H viết, còn chữ ký thì chị C không xác định được.

Nay vợ chồng chị chi đồng ý trả cho chị T1 Ba số tiền gốc 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* và xin trả dần mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả phần tiền lãi do hoàn cản hiện nay khó khăn không có khả năng trả thêm phần tiền lãi. Đối với số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* anh H nhận qua tài khoản anh Lê Thanh D chuyển thì chị hoàn toàn không biết.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu B đối với vợ chồng anh Đặng Lương H, chị Lưu Bích C.

2/ Buộc vợ chồng anh Đặng Lương H, chị Lưu Bích Chi t1 cho chị Nguyễn Thu B tổng cộng gốc và lãi là 1.278.500.000 đồng (Một tỷ, hai trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 900.000.000 đồng *(chín trăm triệu*

đồng) và tiền lãi là 378.500.000 đồng sau khi án có hiệu lực.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Đơn kháng cáo ngày 27/9/2023 và đơn kháng cáo sửa chữa bổ sung ngày 22/01/2024 bị đơn chị Lưu Bích C kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 58/2023/DS-PT ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo hướng: Tôi có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thu B 300.000.000 đồng, xét lại lãi suất theo quy định pháp luật cho tôi, kể từ tháng 12/2022 đối với số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không đồng ý nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía bị đơn anh H không có đơn kháng cáo vắng mặt nhiều lần không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Lưu Bích C, Hội đồng xét xử xét tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2023 phía anh H trình bày có hỏi vay chị T1 Ba 300.000.000 đồng qua tài khoản anh D ngoài ra không nhận khoản tiền nào từ chị Thu B, đối với hai biên nhận chị Thu B cung cấp không ngày tháng là chữ ký giả mạo của tôi, còn Chị C trình bày thực tế có nhận của chị Thu B tại nhà tôi 100.000.000 đồng (bút lục 94), nhưng tại biên bản hòa giải ngày 18/9/2023 phía anh H trình bày ngày 18/9/2018 có ký cho chị T1 Ba một biên nhận với số tiền 300.000.000 đồng, nhưng số tiền chị T1 Ba chuyển khoản chỉ có 100.000.000 đồng, đến ngày 27/9/2018 tôi có ký thêm cho chị T1 Ba một biên nhận với số tiền 300.000.000 đồng, sau đó tôi đưa lại cho chị C 100.000.000 đồng tại nhà tôi (bút lục 124), trong khi chị C trình bày là nhận trực tiếp từ chị Thu B, chứng tỏ lời khai của anh H là mâu thuẫn.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm phía anh H không kháng cáo, chỉ có chị C kháng cáo cho rằng chỉ nợ chị T1 Ba 300.000.000 đồng và cung cấp chứng cứ mới là biên nhận chị T1 ba ký tên nhận tiền chứng minh đã trả cho cho chị T1 Ba 600.000.000 đồng. Như vậy, chứng minh phía vợ chồng anh H, chị C có vay của chị T1 Ba tiền vay gốc 900.000.000 đồng là sự thật. Tuy nhiên, theo yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Thu B, thì tại kết luận giám định số 2540/KL-KTHS ngày 29/5/2024 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận không phải chữ ký và chữ viết tên của chị Thu B, cho nên, không có căn cứ pháp lý chấp nhận nội dung kháng cáo của chị C cho rằng chỉ nợ chị T1 Ba tiền vay gốc 300.00.000 đồng.

[4] Xét nội dung kháng cáo của chị C yêu cầu tính lại số tiền vay gốc 300.000.000 đồng kể từ tháng 12/2022 theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lại lãi suất số tiền chị T1 Ba cho vay theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm (0,83%/tháng) là phù hợp, về phía chị T1 Ba còn giảm tiền lãi và cấn trừ số tiền lãi anh H đã trả, nên không có cơ sở pháp lý chấp nhận nội dung kháng cáo này của chị C.

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị C; chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía chị C phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Lưu Bích C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 463, Điều 465, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu B đối với vợ chồng anh Đặng Lương H, chị Lưu Bích C.

2/ Buộc vợ chồng anh Đặng Lương H, chị Lưu Bích Chi t1 cho chị Nguyễn Thu B tổng cộng gốc và lãi là 1.278.500.000 đồng (Một tỷ, hai trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 900.000.000 đồng *(chín trăm triệu đồng)* và tiền lãi là 378.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh H, chị C có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 50.355.000 đồng (năm mươi triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Nguyên đơn chị T1 Ba không phải chịu nộp tiền án phí sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Thu B đã nộp 19.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005243 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị C phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001306 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán **Thẩm phán** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thế Mạnh **Nguyễn Thị N** **Lê Lâm S**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Minh;
- CCTHA dân sự huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn